

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**BÁO CÁO GIÁM SÁT THỰC HIỆN KHHĐ REDD+
TỈNH ĐIỆN BIÊN NĂM 2018**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-SNN ngày tháng năm 2019
của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Điện Biên)*

Điện Biên, tháng 4 năm 2019

MỤC LỤC

1. Giới thiệu	1
2. Phạm vi giám sát	2
3. Phương pháp	3
4. Kết quả	5
4.1. Khung kết quả	5
4.1.1. Kết quả giám sát.....	5
4.1.2. Tồn tại.....	11
4.2. Khung môi trường xã hội	12
4.2.1. Kết quả giám sát.....	13
4.2.2. Tồn tại và nguyên nhân	24
5. Kết luận và khuyến nghị	26
5.1. Kết luận	26
5.2. Khuyến nghị	27
PHỤ LỤC	29

DANH SÁCH CÁC BẢNG

Bảng 01. Kết quả giám sát gói giải pháp 1 - Khung kết quả.....	5
Bảng 02. Kết quả giám sát gói giải pháp 2 - Khung kết quả.....	6
Bảng 03. Kết quả giám sát gói giải pháp 3 - Khung kết quả.....	7
Bảng 04. Kết quả giám sát gói giải pháp 4 - Khung kết quả.....	8
Bảng 05. Kết quả giám sát gói giải pháp 5 - Khung kết quả.....	9
Bảng 06. Kết quả giám sát gói giải pháp chung - Khung kết quả.....	9
Bảng 07. Kết quả giám sát gói giải pháp chung - Khung kết quả.....	11
Bảng 08. Kết quả giám sát gói giải pháp 1- khung MTXH.....	13
Bảng 09. Kết quả giám sát gói giải pháp 2 -khung MTXH.....	15
Bảng 10. Kết quả giám sát gói giải pháp 2- rủi ro MT (2), khung MTXH.....	17
Bảng 11. Kết quả giám sát gói giải pháp 5 - khung MTXH.....	18
Bảng 12. Kết quả giám sát gói giải pháp 2- rủi ro XH, khung MTXH.....	19
Bảng 13. Kết quả giám sát gói giải pháp 4- rủi ro MT, khung MTXH.....	20
Bảng 14. Kết quả giám sát gói giải pháp 4 - khung MTXH.....	21
Bảng 15. Kết quả giám sát gói giải pháp chung - khung MTXH.....	23
Bảng 16. Kết quả giám sát các gói giải pháp PRAP tỉnh Điện Biên năm 2018.....	26

DANH SÁCH CÁC HÌNH

Hình 01. Bản đồ khu vực giám sát thực hiện PRAP tỉnh Điện Biên.....	2
Hình 02. Các bước thực hiện giám sát PRAP.....	3
Hình 03. Thu thập thông tin phục vụ giám sát PRAP.....	4

DANH SÁCH PHỤ LỤC

Phụ lục 01. Gói giải pháp thực hiện PRAP phân theo các huyện ưu tiên.....	29
Phụ lục 02. Danh sách các xã ưu tiên thực hiện PRAP tỉnh Điện Biên.....	29
Phụ lục 03. Khung giám sát đánh giá PRAP tỉnh Lai Châu năm 2018.....	30
(Khung kết quả).....	30
Phụ lục 04. Khung giám sát đánh giá PRAP tỉnh Điện Biên năm 2018.....	32
(Khung môi trường xã hội).....	32
Phụ lục 05. Phân loại rủi ro môi trường theo nguyên tắc đảm bảo an toàn CanCun....	33
Phụ lục 06. Phân loại rủi ro xã hội theo nguyên tắc đảm bảo an toàn CanCun.....	33
Phụ lục 07. Tiêu chí phân ngưỡng các rủi ro theo huyện.....	34
Phụ biểu 08. Tổng hợp số liệu khảo sát thực địa - khung kết quảエラー! ブックマークが定義されていません。	

Phụ biểu 09. Tổng hợp số liệu khảo sát thực địa - khung MTXHエラー! ブックマークが定義されていません。

DANH SÁCH CÁC TỪ VIẾT TẮT

GSDG	:	Giám sát và đánh giá
KNTS	:	Khoanh nuôi tái sinh
KTXH	:	Kinh tế xã hội
MTXH	:	Môi trường xã hội
NN&PTNT	:	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
PRAP	:	Kế hoạch hành động REDD+
REDD+	:	Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng Các-bon rừng
QLTNTNBV	:	Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững
UBND	:	Ủy ban nhân dân

1. Giới thiệu

Thực hiện Quyết định số 419/QĐ-TTg ngày 05 tháng 04 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, với sự hỗ trợ của dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM) thông qua Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA), tỉnh Điện Biên đã tiến hành xây dựng và phê duyệt Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) giai đoạn 2017 - 2020 tại Quyết định số 732/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2017). Theo kế hoạch được phê duyệt, các hoạt động triển khai PRAP trên địa bàn tỉnh cần phải thực hiện giám sát, đánh giá hàng năm và báo cáo UBND tỉnh về kết quả, tiến độ.

Để theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện PRAP, Sở Nông nghiệp và PTNT đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan giám sát việc thực hiện các gói giải pháp PRAP theo 2 nội dung như sau:

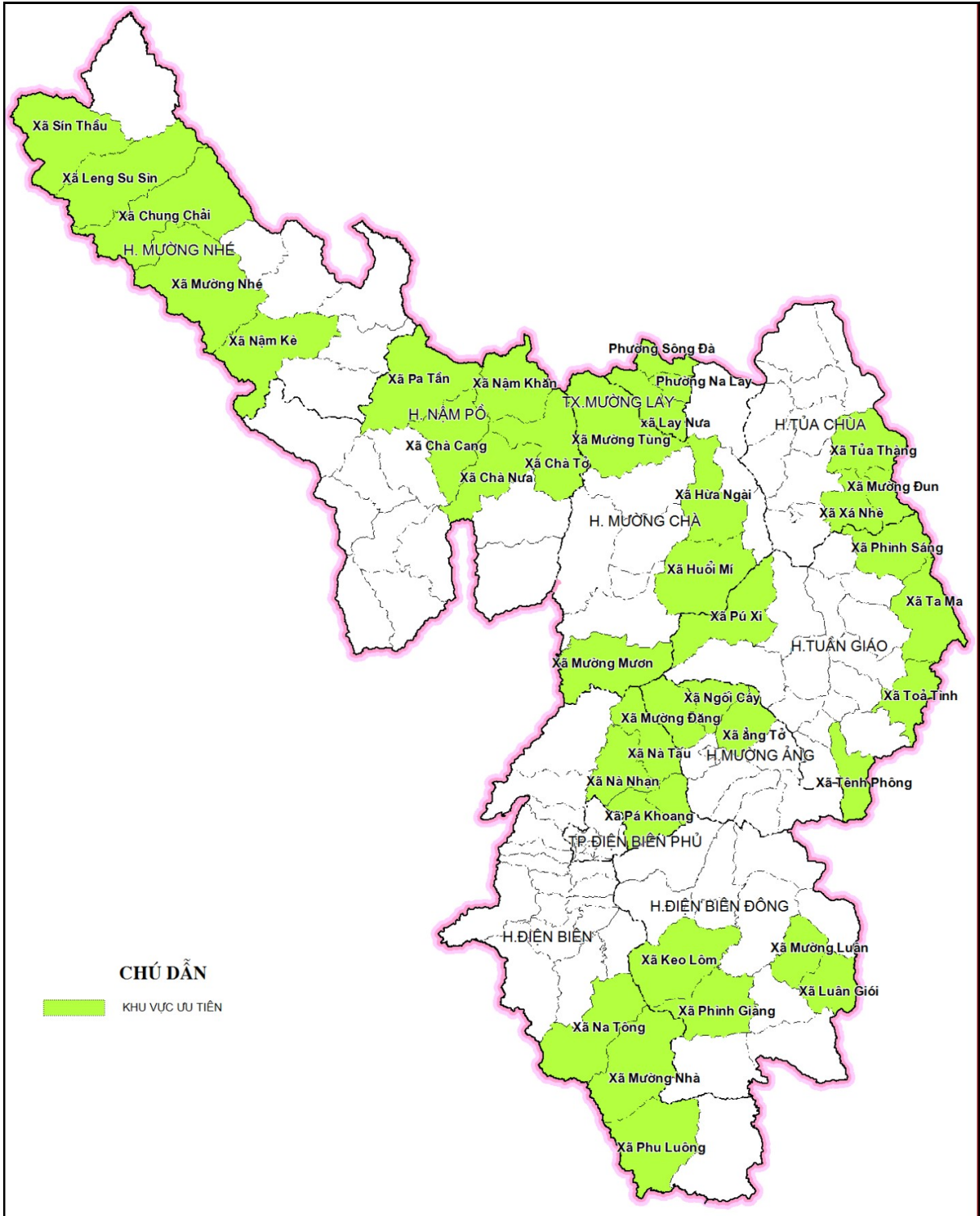
1. Khung kết quả bao gồm dữ liệu nền và chỉ số kết quả (*chi tiết tại mục 3.1 - khung kết quả, PRAP tỉnh Điện Biên*),

2. Khung môi trường xã hội (MTXH) bao gồm các rủi ro (*chi tiết tại mục 3.2 - khung MTXH, PRAP tỉnh Điện Biên*).

Trên cơ sở các kết quả, tồn tại được xác định trong quá trình thực hiện PRAP năm 2018, các khuyến nghị đã được đề xuất nhằm góp phần vào việc thực hiện thành công PRAP năm 2019 và hướng tới đạt được mục tiêu chung vào năm 2020.

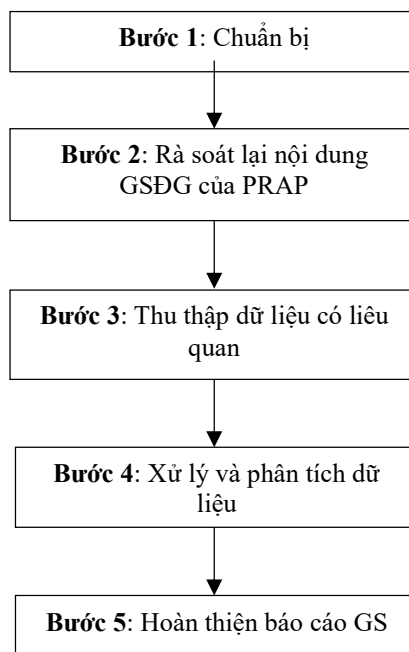
2. Phạm vi giám sát

Phạm vi giám sát thực hiện PRAP tỉnh Điện Biên bao gồm 39 xã ưu tiên trên địa bàn 9 huyện, thị xã gồm: Mường Nhé, Nậm Pồ, Mường Chà, Tuần Giáo, Mường Ảng, Điện Biên Đông, Điện Biên, Tủa Chùa, Mường Lay (Chi tiết tại Phụ lục 02), được thể hiện theo Hình 01:



Hình 01. Bản đồ khu vực giám sát thực hiện PRAP tỉnh Điện Biên

3. Phương pháp



Hình 02. Các bước thực hiện giám sát PRAP

Quá trình giám sát PRAP về cơ bản cần thực hiện theo 5 bước.

Bước 1: Công tác chuẩn bị.

Công tác chuẩn bị bao gồm việc thành lập Tổ công tác cấp tỉnh phụ trách giám sát PRAP (Tổ giám sát); xây dựng và thống nhất đề cương báo cáo giám sát PRAP (Báo cáo giám sát). Với nòng cốt là các thành viên của Tổ kỹ thuật xây dựng PRAP, Tổ giám sát tỉnh Điện Biên được thành lập thông qua Quyết định số 01/QĐ-SNN ban hành bởi Sở Nông nghiệp và PTNT ngày 04 tháng 01 năm 2019. Dưới sự hỗ trợ của Dự án SNRM, đề cương báo cáo giám sát cũng đã được xây dựng và thống nhất giữa các thành viên trong Tổ, trước khi tiến hành các bước công việc tiếp theo.

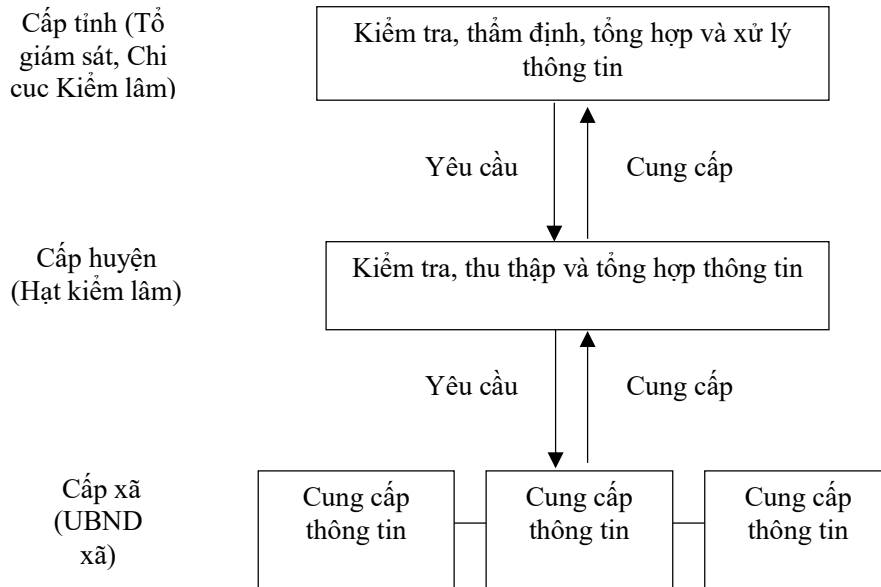
Bước 2: Rà soát lại nội dung khung GSDG của PRAP.

Để đảm bảo nội dung giám sát có tính khả thi cao khi thực hiện, đồng thời phù hợp với điều kiện KTXH hiện tại của tỉnh, tại bước này khung giám sát đã được rà soát, điều chỉnh lại cho hợp lý hơn. Đối với khung MTXH, nếu yếu tố rủi ro có thể để lại những tác động tiêu cực tức thời tới môi trường và xã hội tại nơi thực hiện các hoạt động PRAP, thì lợi ích là yếu tố có những tác động mang tính chất lâu dài, ít mang tính bức thiết hơn. Do vậy, quá trình giám sát MTXH năm 2018 chỉ tập trung vào phần rủi ro.

Bước 3: Thu thập dữ liệu.

Công việc thu thập các dữ liệu được tiến hành dựa trên khung giám sát sau khi đã được rà soát lại. Dữ liệu phục vụ giám sát khung kết quả được cung cấp bởi Chi cục Kiểm lâm thông qua hệ thống theo dõi diễn biến rừng (TDDBR), các báo cáo tổng kết năm,... Bước thu thập dữ liệu phục vụ giám sát khung MTXH được giao cho các Hạt kiểm lâm thuộc các huyện ưu tiên (Mường Nhé, Nậm Pồ, Mường Chà, Tuần Giáo, Mường Ảng, Điện Biên Đông, Điện Biên, Mường Lay, Tủa Chùa), trong đó người chịu trách nhiệm chính là công chức kiểm lâm địa bàn phụ trách xã ưu tiên. Nhằm hướng dẫn về nội dung và phương pháp thu thập thông tin, một lớp tập huấn cho kiểm

lâm địa bàn đã được tổ chức. Cùng với đó, các mẫu biểu khảo sát cũng đã được thiết kế sẵn. Trên cơ sở hệ thống mẫu biểu, kiểm lâm địa bàn sẽ phỏng vấn trực tiếp các cán bộ của UBND xã ưu tiên (Phó chủ tịch phụ trách nông lâm nghiệp, cán bộ nông lâm nghiệp, địa chính, công an xã,...) để thu thập thông tin theo yêu cầu.



Hình 03. Thu thập thông tin phục vụ giám sát PRAP

Tổ giám sát chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả phản hồi từ cấp huyện. Bên cạnh đó, nhằm kiểm chứng lại chất lượng của dữ liệu đã thu thập, đồng thời tìm hiểu thêm thông tin phục vụ cho việc xây dựng báo cáo, Tổ giám sát đã lựa chọn 1 xã/huyện để tiến hành khảo sát. Xã được lựa chọn phải đáp ứng được ít nhất 1 trong 2 tiêu chí: Đang thực hiện thí điểm REDD+; đảm bảo tính đa dạng các giới giải pháp. Ngoài ra, kết quả thu thập thông tin từ cấp huyện gửi lên cũng là một căn cứ để lựa chọn. Các xã còn thiếu hoặc chất lượng thông tin chưa đạt yêu cầu sẽ được ưu tiên. Với các tiêu chí như trên, các xã Pá Khoang, xã Mường Nhà (huyện Điện Biên), xã Chung Chải (huyện Mường Nhé), xã Chà Cang (huyện Nậm Pồ), xã Mường Tùng (huyện Mường Chà), xã Pú Xi (huyện Tuần Giáo), xã Phình Giàng (huyện Điện Biên Đông), xã Lay Nưa (TX Mường Lay), xã Mường Đun (huyện Tủa Chùa), xã Mường Đăng (huyện Mường Ảng), đã được lựa chọn.

Bước 4: Xử lý và phân tích dữ liệu.

Dựa trên các dữ liệu thu thập được, công việc tiếp theo là tiến hành xử lý và tổng hợp các thông tin theo các mẫu biểu được thiết kế sẵn. Đối với khung kết quả, dữ liệu được kiểm chứng lại bởi Chi cục Kiểm lâm dựa trên hệ thống TDDBR, sau đó được tổng hợp và so sánh với chỉ số đầu ra.

Đối với khung MTXH, các rủi ro được xác định một cách định tính và định lượng theo hướng có xảy ra hay không và ở mức độ nào, số thôn bản có xảy ra rủi ro, số người bị ảnh hưởng,... Trong báo cáo này, dựa trên đặc điểm, tình hình kinh tế - xã hội (KTXH) của tỉnh cũng như đặc thù của từng gói giải pháp, các rủi ro đã được tổng hợp và phân ngưỡng cho 2 cấp khu vực ưu tiên. Trong đó, cấp huyện bao gồm các xã ưu tiên, cấp tỉnh là tổng hợp khu vực ưu tiên của các huyện. Ngưỡng phân loại được chia thành 3 mức: Thấp, trung bình, cao. (Tham khảo chi tiết tiêu chí phân ngưỡng các

rủi ro tại Phụ lục 07). Về cơ bản, căn cứ để xác định các ngưỡng phân loại được dựa trên số liệu khảo sát thực tế năm 2018 và số liệu thống kê bởi Chi cục Kiểm lâm qua các năm 2016, 2017. Theo đó, một gói giải pháp được coi là thực hiện thành công về MTXH chỉ khi đề rủi ro xảy ra ở mức ảnh hưởng thấp. Ngược lại, các gói giải pháp đề xảy ra rủi ro ở mức ảnh hưởng trung bình và cao thì được xếp loại chưa hoàn thành mục tiêu.

Bước 5: Hoàn thiện báo cáo giám sát.

Dữ liệu của bước 4 được sử dụng để xây dựng báo cáo giám sát. Những thông tin tích cực cho biết liệu chúng ta đang tiếp cận gần mục tiêu của PRAP hay chưa. Các thông tin mang tính tiêu cực cũng được sử dụng để phân tích, từ đó sẽ đề xuất các giải pháp can thiệp phù hợp. Công việc xây dựng báo cáo cũng cần tuân thủ theo đề cương đã thống nhất nhằm đảm bảo phù hợp với yêu cầu của tỉnh, cũng như hài hòa được với các thông lệ của quốc gia và quốc tế về REDD+.

4. Kết quả

4.1. Khung kết quả

Hiện tại, việc giám sát các hoạt động thuộc các gói giải pháp (cấp kết quả), được triển khai nhằm theo dõi tình hình thực hiện REDD+ tại cấp cơ sở, trong đó có xã Pá Khoang, huyện Điện Biên đang thực hiện thí điểm dưới sự hỗ trợ của dự án SNRM. Đồng thời, việc giám sát các gói giải pháp (cấp đầu ra) dựa trên khung kết quả cũng được tiến hành song song nhằm theo dõi quá trình thực hiện PRAP có được triển khai theo đúng kế hoạch và hướng tới đạt được mục tiêu như mong đợi hay không. Trên cơ sở đó sẽ xác định các tồn tại, hạn chế và đề xuất giải pháp can thiệp phù hợp.

4.1.1. Kết quả giám sát

a) Gói giải pháp 1: Kiểm soát hành vi phá rừng làm nương

Dữ liệu nền: 235 vụ chuyển đổi đất rừng bất hợp pháp sang canh tác nông nghiệp năm 2016.

Chỉ số kết quả: Số vụ phá rừng làm nương bình quân/năm giảm từ 10% trở lên trong giai đoạn 2017-2020.

Thời gian giám sát: từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018

Nguồn dữ liệu: Hệ thống TDDBR, hồ sơ xác minh các vụ vi phạm của Chi cục Kiểm lâm.

Bảng 01. Kết quả giám sát gói giải pháp 1 - Khung kết quả

Huyện	Số vụ phá rừng làm nương (vụ)	Tỷ lệ, tăng (+)/giảm (-) số vụ phá rừng làm nương (%)	So sánh với chỉ số kết quả	
			Đạt	Không đạt
Mường Nhé	32			
Nậm Pồ	15			
Mường Chà	20			
Tuần Giáo	0			
Mường Ảng	0			
Điện Biên Đông	19			

Huyện	Số vụ phá rừng làm nương (vụ)	Tỷ lệ, tăng (+)/giảm (-) số vụ phá rừng làm nương (%)	So sánh với chỉ số kết quả	
			Đạt	Không đạt
Điện Biên	18			
Tủa Chùa	2			
KV ưu tiên	107	- 54	x	

Theo Bảng 01, khu vực ưu tiên xảy ra 107 vụ phá rừng làm nương, giảm 54% số vụ vi phạm so với dữ liệu nền. Do đó kết quả thực hiện gói giải pháp 1 trong năm 2018 đã hoàn thành kế hoạch đề ra.

Kết quả đạt được như trên là do chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp của nhà nước đã phát huy hiệu quả, nhờ đó một bộ phận lớn đồng bào dân tộc thiểu số đã và đang từng bước chuyển dần sang thực hiện canh tác trên nương cố định, áp dụng các biện pháp thâm canh tăng vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng để nâng cao sản lượng cũng như giá trị sản xuất thay vì du canh du cư như trước; ngoài ra, lực lượng lao động trẻ chủ yếu đi làm công nhân ở các khu công nghiệp của các tỉnh khác, dẫn đến thiếu nhân lực sản xuất nên người dân không phát triển thêm diện tích nương, thậm chí bỏ hoang diện tích nương canh tác hiệu quả kinh tế không cao.

b) Gói giải pháp 2: Nâng cao hiệu quả công tác phát triển rừng (trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng)

Dữ liệu nền: Tỷ lệ giải ngân vốn hàng năm thấp, bình quân toàn tỉnh đạt 41%/năm trong giai đoạn 2010-2016.

Chỉ số kết quả: Thực hiện đạt trên 80% kế hoạch phát triển rừng hàng năm trong giai đoạn 2017-2020.

Thời gian giám sát: từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018

Nguồn dữ liệu: Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện công tác phát triển rừng cuối năm của Chi cục Lâm nghiệp.

Bảng 02. Kết quả giám sát gói giải pháp 2 - Khung kết quả

Huyện	Mức hoàn thành kế hoạch (%)	So sánh với chỉ số kết quả	
		Đạt	Không đạt
Mường Nhé	87		
Mường Chà	68		
Tuần Giáo	95		
Mường Ảng	93		
Điện Biên Đông	89		
Điện Biên	56,5		
TX. Mường Lay			
Tủa Chùa	68,5		
KV ưu tiên	70		x

Lưu ý: TX. Mường Lay không được phân bổ kế hoạch năm 2018

Theo Bảng 02, việc thực hiện gói giải pháp 2 đã không đạt được mục tiêu năm

2018 với mức hoàn thành kế hoạch là 70% (so với chỉ số đầu ra là 80%).

Nguyên nhân chính được xác định là do khối lượng thực hiện hoạt động khoanh nuôi tái sinh rừng năm 2018 đạt kết quả thấp, đặc biệt là tại các huyện Mường Chà, Điện Biên và Tủa Chùa.

Trên thực tế, nguồn kinh phí cho thực hiện đầu tư KNTS rừng đã được bố trí, tuy nhiên khi triển khai thực hiện lại vướng mắc về mặt đất đai. Diện tích đất trồng có đủ tiêu chuẩn để thực hiện khoanh nuôi (DT2) phần lớn là nương rẫy cũ đang bỏ hoang, trước đây được sử dụng cho mục đích canh tác nông nghiệp của một bộ phận người dân tộc bản địa. Về mặt lý thuyết, hầu hết diện tích này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đang thuộc sự quản lý của UBND xã sở tại. Tuy vậy, trong tiềm thức của người dân nơi đây, diện tích này thuộc về họ và để thuyết phục nhóm người này hợp tác trong KNTS rừng, mà cụ thể là nhường lại đất, là công việc không đơn giản. Vấn đề này đã gây nên nhiều khó khăn cho công tác phát triển rừng của tỉnh Điện Biên trong những năm qua.

c) Gói giải pháp 3: Hạn chế các tác động tiêu cực gây ra bởi việc chuyển đổi rừng sang các mục đích khác (phát triển cơ sở hạ tầng, thủy điện, khoáng sản...)

Dữ liệu nền: Hoàn thành 80% diện tích cần trồng rừng thay thế giai đoạn 2010 - 2016.

Chỉ số kết quả: Hoàn thành 100% diện tích cần trồng rừng thay thế giai đoạn 2017 - 2020.

Thời gian giám sát: từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018

Nguồn dữ liệu: Báo cáo kết quả thực hiện trồng rừng thay thế của Chi cục Lâm nghiệp

Bảng 03. Kết quả giám sát gói giải pháp 3 - Khung kết quả

Huyện	Diện tích cần trồng rừng thay thế (ha)	Diện tích trồng rừng thay thế đã thực hiện (ha)	Tỷ lệ hoàn thành diện tích trồng rừng thay thế (%)	So sánh với chỉ số kết quả	
				Đạt	Không đạt
Mường Chà	0	0			
Tuần Giáo	0	0			
Nậm Pồ	6,23	6,23			
Điện Biên Đông	8,87	8,87			
KV ưu tiên	15,1	15,1	100	x	

Kết quả thực hiện gói giải pháp 3 này đã đạt được mục tiêu đề ra khi hoàn thành 100% diện tích cần trồng rừng thay thế.

Theo Bảng 03, trong năm 2018, các huyện Mường Chà và Tuần Giáo không có diện tích rừng chuyển đổi cần phải thực hiện trồng rừng thay thế. Đối với các xã ưu tiên thuộc huyện Nậm Pồ và Điện Biên Đông, tuy không triển khai các dự án liên quan tới chuyển đổi rừng tự nhiên, nhưng có quỹ đất trồng phù hợp, nên các khu vực này đã được bố trí để trồng rừng thay thế với tổng diện tích là 15,1 ha (nhằm bù lại phần diện tích rừng đã mất do thực hiện các dự án tại các xã ngoài khu vực ưu tiên).

d) Gói giải pháp 4: Kiểm soát cháy rừng

Dữ liệu nền: Số vụ cháy rừng bình quân hàng năm giai đoạn 2010-2016 là 35,6 vụ; diện tích rừng bị cháy bình quân hàng năm giai đoạn 2010 - 2016 là 181,7 ha.

Chỉ số kết quả: Số vụ cháy rừng/diện tích rừng bị cháy bình quân/năm giảm từ 10% trở lên trong giai đoạn 2017-2020.

Thời gian giám sát: từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018

Nguồn dữ liệu: Hệ thống TDDBR, hồ sơ các vụ cháy rừng của Chi cục Kiểm lâm

Bảng 04. Kết quả giám sát gói giải pháp 4 - Khung kết quả

Huyện	Số vụ cháy rừng				Diện tích cháy			
	Số vụ (vụ)	Tỷ lệ, tăng (+)/giảm (-)	So sánh với chỉ số kết quả		Diện tích (ha)	Tỷ lệ, tăng (+)/giảm (-)	So sánh với chỉ số kết quả	
			Đạt	Không đạt			Đạt	Không đạt
Mường Nhé	14				2,7			
Nậm Pồ	0				0			
Mường Chà	0				0			
Tuần Giáo	0				0			
Mường Ảng	1				0			
Điện Biên Đông	0				0			
Điện Biên	2				2			
TX Mường Lay	0				0			
Tủa Chùa	0				0			
KV ưu tiên	17	- 52,2 %	x		4,7	- 97,4%	x	

Kết quả thực hiện gói giải pháp 4 năm 2018 đã hoàn thành mục tiêu đề ra với tỷ lệ giảm các vụ cháy và diện tích cháy lần lượt là (-52,2%) và (-97,4%).

Theo Bảng 04, nhìn chung trên địa bàn tỉnh Điện Biên xảy ra rất ít vụ cháy rừng trong năm 2018. Một số khu vực thuộc huyện Mường Nhé, Điện Biên có thể xảy ra các vụ cháy tuy nhiên trên diện tích nhỏ, nguyên nhân do một bộ phận người dân sống gần rừng vẫn sử dụng lửa trong các hoạt động sản xuất như đốt thực bì làm nương, đốt bãi chăn thả gia súc, đốt ong lấy mật,... để xảy ra cháy lan vào rừng.

e) Gói giải pháp 5: Hạn chế khai thác rừng trái pháp luật, không bền vững

Dữ liệu nền: 167 vụ phá rừng trái pháp luật xảy ra trong năm 2016.

Chỉ số kết quả: Số vụ khai thác rừng trái pháp luật xảy ra hàng năm giảm từ 30% trở lên trong giai đoạn 2017-2020.

Thời gian giám sát: từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018.

Nguồn dữ liệu: Hồ sơ xác minh các vụ vi phạm của Chi cục Kiểm lâm.

Bảng 05. Kết quả giám sát gói giải pháp 5 - Khung kết quả

Huyện	Số vụ khai thác rừng trái phép	Tỷ lệ, tăng (+)/giảm (-)	So sánh với chỉ số kết quả (%)	
			Đạt	Không đạt
Mường Nhé	0	0		
Tuần Giáo	5	-66,7		
Điện Biên	2	-100		
Tủa Chùa	6	-100		
KV ưu tiên	13	- 92%	x	

Theo Bảng 05, khu vực ưu tiên chỉ để xảy ra 31 vụ khai thác rừng trái pháp luật, giảm 92% so với dữ liệu nền. Do đó kết quả thực hiện gói giải pháp 5 năm 2018 đã hoàn thành mục tiêu đề ra.

Có được thành tích như trên, trước hết là về mặt chủ trương tỉnh đã thực hiện quyết liệt Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương đảng và Thông báo số 511/TB-VPCP ngày 01/11/2017 của Văn phòng Chính phủ từ năm 2017 đến nay. Ngoài ra, công tác quản lý bảo vệ rừng và các hoạt động có liên quan cũng đang được triển khai khá tốt. Trong đó, một số hoạt động đã có những tác động tích cực trực tiếp lên việc hạn chế khai thác rừng trái pháp luật, không bền vững như: thực hiện tốt công tác giao đất giao rừng theo Kế hoạch số 388/KH-UBND ngày 20/3/2013 của UBND tỉnh Điện Biên về việc rà soát, hoàn chỉnh thủ tục để giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp giai đoạn 2013-2015 trên địa bàn tỉnh Điện Biên (169.737,37 ha đã được giao, chiếm 89,6% diện tích đất có rừng của các xã khu vực ưu tiên); công tác tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức của người dân về bảo vệ phát triển rừng được triển khai thường xuyên, đều đặn; tại hầu hết các cấp thôn bản, tổ tuần tra rừng đều được thành lập và duy trì hoạt động. Bên cạnh đó, ý thức về bảo vệ rừng của người dân đã có sự chuyển biến tích cực rõ rệt từ khi nhận được tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) hàng năm.

g) Gói giải pháp chung (1): Cải tiến hệ thống theo dõi diễn biến nguồn tài nguyên rừng

Dữ liệu nền: 10 Hạt Kiểm lâm, 5 Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng được tập huấn thống theo dõi diễn biến rừng cải tiến năm 2016.

Chỉ số kết quả: 100% Hạt Kiểm lâm, các Ban quản lý rừng áp dụng hệ thống theo dõi diễn biến rừng cải tiến trong giai đoạn 2017-2020.

Thời gian giám sát: từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018.

Nguồn dữ liệu: Báo cáo công tác theo dõi diễn biến rừng năm 2018 của Chi cục Kiểm lâm

Bảng 06. Kết quả giám sát gói giải pháp chung - Khung kết quả

Huyện	Vận hành hệ thống TDDBR (Có áp dụng/không áp dụng)	Tỷ lệ tăng (+)/giảm (-)	So sánh với chỉ số kết quả	
			Đạt	Không đạt
Mường Nhé	Có áp dụng	+ 100%		
Nậm Pồ	Có áp dụng	+ 100%		

Huyện	Vận hành hệ thống TDDBR (Có áp dụng/không áp dụng)	Tỷ lệ tăng (+)/giảm (-)	So sánh với chỉ số kết quả	
			Đạt	Không đạt
Mường Chà	Có áp dụng	+ 100%		
Tuần Giáo	Có áp dụng	+ 100%		
Mường Ảng	Có áp dụng	+ 100%		
Điện Biên Đông	Có áp dụng	+ 100%		
Điện Biên	Có áp dụng	+ 100%		
TX Mường Lay	Có áp dụng	+ 100%		
Tủa Chùa	Có áp dụng	+ 100%		
KV ưu tiên	Có áp dụng	+ 100%	x	

Hiện nay, tất cả các hạt kiểm lâm, ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ đều sử dụng máy tính bảng và phần mềm FRMS mobile để phục vụ công tác theo dõi diễn biến rừng và đất quy hoạch lâm nghiệp. Như vậy, có thể kết luận việc thực hiện gói giải pháp chung năm 2018 đã đạt được mục tiêu đề ra.

Điện Biên là một trong 4 tỉnh được Dự án SNRM/JICA tài trợ máy bảng phục vụ TDDBR và đất quy hoạch lâm nghiệp. Trong năm 2017 – 2018, Ban quản lý dự án quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (QLTNTNBV) tỉnh Điện Biên phối hợp với Chi cục Kiểm lâm tiếp nhận 135 máy tính bảng, bàn giao đến kiểm lâm địa bàn và tổ chức tập huấn, hướng dẫn sử dụng.

Kết quả khảo sát cho thấy, việc sử dụng máy tính bảng và phần mềm FRMS mobile tại các khu vực là rất tốt và đạt hiệu quả cao. Trong năm 2018, nguồn số liệu thực địa đầu vào để cập nhật vào phần mềm theo dõi diễn biến rừng (FRMS 3.0) từ máy tính bảng và ứng dụng di động là 2.100 lô/điểm, chiếm 65%.

g) Gói giải pháp chung (2): Nâng cao nhận thức và đào tạo năng lực thực hiện REDD+

Dữ liệu nền: 129 cán bộ có liên quan tham gia 3 hội thảo cấp tỉnh về xây dựng PRAP được tổ chức trong năm 2016, 2017; 1 hoạt động nâng cao nhận thức về REDD+ được tổ chức tại xã Pá Khoang.

Chỉ số kết quả: 600 cán bộ có liên quan tham gia các hội thảo về chia sẻ kiến thức REDD+ và kinh nghiệm thực hiện PRAP giai đoạn 2017-2020 (sau khi PRAP được phê duyệt); 9 hoạt động nâng cao nhận thức về REDD+ được tổ chức tại khu vực ưu tiên giai đoạn 2017-2020.

Thời gian giám sát: từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018; 9 hoạt động nâng cao nhận thức về REDD+ được tổ chức tại khu vực ưu tiên giai đoạn 2017-2020.

Nguồn dữ liệu: Báo cáo hoạt động của dự án SNRM và các báo cáo khác có liên quan.

Bảng 07. Kết quả giám sát gói giải pháp chung - Khung kết quả

Huyện	Hội thảo chia sẻ kiến thức về REDD +				Hoạt động nâng cao nhận thức về REDD+			
	Số lượt người tham gia	Tỷ lệ tăng (+)/giảm (-)	So sánh với chỉ số đầu ra		Số hoạt động	Tỷ lệ tăng (+)/giảm (-)	So sánh với chỉ số đầu ra	
			Đạt	Không đạt			Đạt	Không đạt
Mường Nhé	0				1			
Nậm Pồ	0				1			
Mường Chà	0				1			
Tuần Giáo	0				1			
Mường Ảng	0				1			
Điện Biên Đông	0				1			
Điện Biên	9				1			
TX Mường Lay	0				1			
Tủa Chùa	0				1			
Đại biểu cấp tỉnh	8							
Tổng cộng	17				1			

Theo Bảng 08, có 17 lượt người tham gia các hội thảo chia sẻ kiến thức về REDD+ (đạt 2,8% chỉ số đầu ra); 01 hoạt động tuyên truyền về công tác PCCCR (đạt 11% chỉ số đầu ra) với tổng số lượt người tham gia là 24.422 lượt người. Như vậy, kết quả đạt được của gói giải pháp chung (2) năm 2018 là quá nhỏ với chỉ số đầu ra, điều này đồng nghĩa với khối lượng cần phải thực hiện trong 2 năm còn lại (2019, 2020) là rất lớn (585 lượt người tham gia hội thảo chia sẻ kiến thức về REDD+, 8 hoạt động nâng cao nhận thức về REDD+). Nếu với tiến độ thực hiện như năm 2018, thì khả năng hoàn thành mục tiêu vào cuối năm 2020 là không cao. Nguyên nhân dẫn đến tồn tại này được xác định chủ yếu là do hạn chế về nguồn kinh phí.

Mặc dù chỉ số đầu ra của gói giải pháp chung (2) được xây dựng cho toàn bộ giai đoạn và chỉ được xác định và cuối năm 2020. Tuy nhiên, dựa trên kết quả đạt được năm 2018, có thể kết luận việc thực hiện gói giải pháp chung (2) đã chưa được triển khai tốt.

4.1.2. Tồn tại

a) Tồn tại

- Gói giải pháp 2 (*Nâng cao hiệu quả công tác phát triển rừng*): Mức hoàn thành kế hoạch phát triển rừng đạt tỷ lệ thấp (70%).

- Gói giải pháp chung (2) (*Nâng cao nhận thức và đào tạo năng lực thực hiện REDD+*): Kết quả thực hiện năm 2018 chưa đạt kết quả tốt và có thể dẫn đến nguy cơ không hoàn thành được mục tiêu của cả giai đoạn.

a) Nguyên nhân

Các nguyên nhân dẫn đến tồn tại của các gói giải pháp 1 và gói giải pháp chung (2) đã được phân tích chi tiết tại mục 3.1.1. Tuy vậy có thể tóm lược lại như sau:

- Gói giải pháp 2 (*Nâng cao hiệu quả công tác phát triển rừng*): do thiếu đất nên khối lượng thực hiện hoạt động khoanh nuôi tái sinh rừng năm 2018 đạt kết quả thấp.

- Gói giải pháp chung (2) (*Nâng cao nhận thức và đào tạo năng lực thực hiện REDD+*): thiếu nguồn kinh phí để tổ chức các hội thảo, các hoạt động nhằm chia sẻ và nâng cao kiến thức về REDD+.

Bên cạnh các nguyên nhân đặc thù cho từng gói giải pháp, dưới đây là một số nguyên nhân có sự ảnh hưởng chung.

- Có thể nói rằng kết quả thực hiện REDD+ ở cấp gói giải pháp (cấp đầu ra) phụ thuộc rất nhiều và việc triển khai các hoạt động cụ thể (cấp kết quả). Trên thực tế, việc triển khai thực hiện cũng như giám sát các hoạt động ưu tiên (hợp phần II-PRAP) đã được tiến hành, tuy nhiên kết quả đạt được là chưa cao, đặc biệt khi so sánh với kết quả thực hiện các hoạt động thí điểm REDD+ tại xã Pá Khoang. Điều này chắc chắn đã ảnh hưởng rất nhiều tới việc đạt được mục tiêu của các gói giải pháp.

- Sự thiếu hụt về nguồn vốn cũng là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng tới việc thực hiện các gói giải pháp. Theo kế hoạch, tổng nhu cầu vốn để triển khai PRAP (hợp phần II) là 181,394 triệu đồng. Trong đó ngân sách nhà nước (trung ương và địa phương) đóng một vai trò quan trọng với 138.860 triệu đồng (chiếm 88%), tuy vậy cho tới nay, sự phân bổ kinh phí từ nguồn này còn rất hạn chế. Trong bối cảnh nguồn lực trong nước còn gặp khó khăn, thì tiến độ hỗ trợ từ các nguồn vốn ODA khoảng 15,936 triệu đồng (chiếm khoảng 9%) thông qua dự án JICA3 vẫn còn tiến triển chậm. Điện Biên là một tỉnh miền núi nghèo thuộc vùng Tây Bắc, chưa tự chủ cân đối về ngân sách, hàng năm đều nhận trợ cấp từ Trung ương, nên nguồn lực tài chính dành các hoạt động REDD+ càng khó khăn.

- Mặc dù PRAP đã được phê duyệt theo Quyết định 732/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2017 của UBND tỉnh, tuy vậy công tác tổ chức thực hiện vẫn còn gặp nhiều vướng mắc. Một số địa phương vẫn chưa nắm rõ được vai trò của mình trong triển khai thực hiện PRAP, nhiều cán bộ vẫn còn chưa hiểu rõ về REDD+ dẫn đến sự phối kết hợp giữa các cơ quan cấp xã, huyện và cấp tỉnh (tổ giám sát) chưa thực sự tốt.

4.2. Khung môi trường xã hội

Giám sát theo khung MTXH nhằm đảm bảo an toàn trong thực hiện REDD+ dựa trên 7 nguyên tắc an toàn CanCun. Các rủi ro có thể xảy ra trong quá trình thực hiện PRAP cần được giám sát chặt chẽ nhằm tránh phương hại tới MTXH nơi thực hiện REDD+. Mối liên hệ giữa các rủi ro về MTXH và 7 nguyên tắc an toàn CanCun được thể hiện tại Phụ lục 05 và Phụ lục 06. Để rõ hơn về phân ngưỡng ảnh hưởng rủi ro, căn cứ để xác định việc thực hiện các gói giải pháp thành công hay không về mặt đảm bảo an toàn MTXH, tham khảo mục 3 (*bước 4*) và phụ lục 07.

4.2.1. Kết quả giám sát

a) Gói giải pháp 1: Kiểm soát hành vi phá rừng làm nương.

Rủi ro xã hội: Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên; mâu thuẫn (ganh tị) giữa người không được hỗ trợ (ngoài xã ưu tiên) và người được hỗ trợ (xã mục tiêu); mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống.

Thời gian giám sát: từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018.

Nguồn dữ liệu: Kết quả khảo sát ngoại nghiệp của Hạt Kiểm lâm các huyện ưu tiên.

Bảng 08. Kết quả giám sát gói giải pháp 1- khung MTXH

Huyện	Rủi ro	Số vụ, số người bị ảnh hưởng	Mức độ ảnh hưởng
Mường Nhé	Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	0 vụ	
	Mâu thuẫn (ganh tị) giữa người không được hỗ trợ (ngoài xã ưu tiên) và người được hỗ trợ (xã mục tiêu);	0 người	
	Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	5.540 người	
Nậm Pồ	Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	11 vụ	
	Mâu thuẫn (ganh tị) giữa người không được hỗ trợ (ngoài xã ưu tiên) và người được hỗ trợ (xã mục tiêu);	0 người	
	Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	3.859 người	
Mường Chà	Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	6 vụ	
	Mâu thuẫn (ganh tị) giữa người không được hỗ trợ (ngoài xã ưu tiên) và người được hỗ trợ (xã mục tiêu);	0 người	
	Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	1.800 người	
Tuần Giáo	Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	0 vụ	
	Mâu thuẫn (ganh tị) giữa người không được hỗ trợ (ngoài xã ưu tiên) và người được hỗ trợ (xã mục tiêu);	0 người	
	Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	98 người	
Mường Ảng	Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	0 vụ	
	Mâu thuẫn (ganh tị) giữa người không được hỗ trợ (ngoài xã ưu tiên) và người được hỗ trợ (xã mục tiêu);	0 người	
	Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	0 người	

Huyện	Rủi ro	Số vụ, số người bị ảnh hưởng	Mức độ ảnh hưởng
Điện Biên Đông	Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	0 vụ	
	Mâu thuẫn (ganh tị) giữa người không được hỗ trợ (ngoài xã ưu tiên) và người được hỗ trợ (xã mục tiêu);	0 người	
	Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	2.380 người	
Điện Biên	Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	0 vụ	
	Mâu thuẫn (ganh tị) giữa người không được hỗ trợ (ngoài xã ưu tiên) và người được hỗ trợ (xã mục tiêu)	0 người	
	Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	4.720 người	
Tủa Chùa	Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	0 vụ	
	Mâu thuẫn (ganh tị) giữa người không được hỗ trợ (ngoài xã ưu tiên) và người được hỗ trợ (xã mục tiêu)	0 người	
	Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	0 người	
KV ưu tiên	Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	17 vụ	Thấp
	Mâu thuẫn (ganh tị) giữa người không được hỗ trợ (ngoài xã ưu tiên) và người được hỗ trợ (xã mục tiêu)	0 người	Thấp
	Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	18.397 người	Cao

Theo Bảng 08, trên khu vực ưu tiên, rủi ro “*Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên*”, “*Mâu thuẫn (ganh tị) giữa người không được hỗ trợ (ngoài xã ưu tiên) và người được hỗ trợ (xã mục tiêu)*” xảy ra ở mức độ ảnh hưởng thấp, trong khi rủi ro “*Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống*” xảy ra ở mức độ ảnh hưởng cao. Do vậy, kết quả thực hiện gói giải pháp 2 năm 2018 đã không hoàn thành mục tiêu về đảm bảo an toàn xã hội 2018.

Rủi ro về “*Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống*”, xảy ra phần lớn tại các khu vực thuộc xã Leng Su Sìn, Chung Chải, Mường Nhé (huyện Mường Nhé), xã Pa Tần, Chà Cang (huyện Nậm Pồ) và xã Mường Nhà, Na Tông, Nà Tấu (huyện Điện Biên) với số người bị ảnh hưởng là 14.119 người (chiếm 77% tổng số người bị ảnh hưởng). Nguyên nhân được xác định là do nhiều bộ phận người dân đang thực hiện canh tác luân canh trên nương rẫy cũ của tổ tiên để lại. Tuy nhiên sau khi bị bỏ hoang trong một thời gian dài, diện tích này đã tái sinh lại thành rừng, được chính quyền địa phương đưa vào bảo vệ. Sự tác động lên sinh kế truyền thống xảy ra khi người dân quay lại khu vực cũ để thực hiện đốt nương làm rẫy trên diện tích đã thành rừng và đang được bảo vệ bởi lực lượng chức năng.

Cần lưu ý rằng, trong số 18.397 người bị ảnh hưởng bởi rủi ro “*Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống*”, cũng một phần liên quan tới rủi ro “*Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên*”. Để đảm bảo độ chính xác trong giám sát MTXH, vấn đề này nên được lưu ý để khắc phục trong việc giám sát năm 2019.

b) Gói giải pháp 2: *Nâng cao hiệu quả công tác phát triển rừng (trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng)*

Rủi ro xã hội: Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên; lợi dụng thị trường gỗ rừng trồng để khai thác gỗ rừng tự nhiên; mâu thuẫn (ganh tị) giữa người không được hỗ trợ (ngoài xã ưu tiên) và người được hỗ trợ (xã mục tiêu); sự cô lập các nhóm sinh kế đặc thù.

Thời gian giám sát: từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018.

Nguồn dữ liệu: Kết quả khảo sát ngoại nghiệp của Hạt Kiểm lâm các huyện ưu tiên.

Bảng 09. Kết quả giám sát gói giải pháp 2 -khung MTXH

Huyện	Rủi ro	Số vụ, số người bị ảnh hưởng	Mức độ ảnh hưởng
Mường Nhé	Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	5 vụ	
	Lợi dụng thị trường gỗ rừng trồng để khai thác gỗ rừng tự nhiên	0 người	
	Mâu thuẫn (ganh tị) giữa người không được hỗ trợ (ngoài xã ưu tiên) và người được hỗ trợ (xã mục tiêu)	350 người	
	Sự cô lập các nhóm sinh kế đặc thù	2.830 người	
Mường Chà	Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	0 vụ	
	Lợi dụng thị trường gỗ rừng trồng để khai thác gỗ rừng tự nhiên	0 người	
	Mâu thuẫn (ganh tị) giữa người không được hỗ trợ (ngoài xã ưu tiên) và người được hỗ trợ (xã mục tiêu)	0 người	
	Sự cô lập các nhóm sinh kế đặc thù	894 người	
Tuần Giáo	Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	0 vụ	
	Lợi dụng thị trường gỗ rừng trồng để khai thác gỗ rừng tự nhiên	0 người	
	Mâu thuẫn (ganh tị) giữa người không được hỗ trợ (ngoài xã ưu tiên) và người được hỗ trợ (xã mục tiêu)	0 người	
	Sự cô lập các nhóm sinh kế đặc thù	0 người	
Mường Ảng	Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	0 vụ	
	Lợi dụng thị trường gỗ rừng trồng để khai thác gỗ rừng tự nhiên	0 người	
	Mâu thuẫn (ganh tị) giữa người không được hỗ trợ (ngoài xã ưu tiên) và người được hỗ trợ (xã mục	0 người	

Huyện	Rủi ro	Số vụ, số người bị ảnh hưởng	Mức độ ảnh hưởng
	tiêu)		
	Sự cô lập các nhóm sinh kế đặc thù	75 người	
Điện Biên Đông	Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	2 vụ	
	Lợi dụng thị trường gỗ rừng trồng để khai thác gỗ rừng tự nhiên	0 người	
	Mâu thuẫn (ganh tị) giữa người không được hỗ trợ (ngoài xã ưu tiên) và người được hỗ trợ (xã mục tiêu)	0 người	
	Sự cô lập các nhóm sinh kế đặc thù	1.278 người	
Điện Biên	Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	0 vụ	
	Lợi dụng thị trường gỗ rừng trồng để khai thác gỗ rừng tự nhiên	0 người	
	Mâu thuẫn (ganh tị) giữa người không được hỗ trợ (ngoài xã ưu tiên) và người được hỗ trợ (xã mục tiêu)	0 người	
	Sự cô lập các nhóm sinh kế đặc thù	0 người	
TX. Mường Lay	Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	0 vụ	
	Lợi dụng thị trường gỗ rừng trồng để khai thác gỗ rừng tự nhiên	471 người	
	Mâu thuẫn (ganh tị) giữa người không được hỗ trợ (ngoài xã ưu tiên) và người được hỗ trợ (xã mục tiêu)	0 người	
	Sự cô lập các nhóm sinh kế đặc thù	872 người	
Tủa Chùa	Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	0 vụ	
	Lợi dụng thị trường gỗ rừng trồng để khai thác gỗ rừng tự nhiên	0 người	
	Mâu thuẫn (ganh tị) giữa người không được hỗ trợ (ngoài xã ưu tiên) và người được hỗ trợ (xã mục tiêu)	0 người	
	Sự cô lập các nhóm sinh kế đặc thù	200 người	
KV ưu tiên	Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	7 vụ	Thấp
	Lợi dụng thị trường gỗ rừng trồng để khai thác gỗ rừng tự nhiên	471 người	Thấp
	Mâu thuẫn (ganh tị) giữa người không được hỗ trợ (ngoài xã ưu tiên) và người được hỗ trợ (xã mục tiêu)	350 người	Thấp
	Sự cô lập các nhóm sinh kế đặc thù	6.149 người	Cao

Theo Bảng 09, trên khu vực ưu tiên, các rủi ro “Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên”, “Lợi dụng thị trường gỗ rừng trồng để khai thác gỗ rừng tự nhiên”, “Mâu thuẫn (ganh tị) giữa người không được hỗ trợ (ngoài xã ưu tiên) và người được hỗ trợ (xã mục tiêu)” đều xảy ra ở mức ảnh hưởng thấp, tuy nhiên rủi ro “Sự cô lập các nhóm sinh kế đặc thù” lại xảy ra ở mức độ ảnh hưởng cao. Do vậy, kết quả thực hiện gói giải pháp 2 năm 2018 đã không hoàn thành mục tiêu năm 2018 về đảm bảo an toàn xã hội.

Rủi ro “Sự cô lập các nhóm sinh kế đặc thù” ảnh hưởng tới 6.149 người dân đang thực hiện sinh kế chăn thả rông gia súc, tập trung tại một số khu vực thuộc các xã Sin Thầu, Nậm Kè, Leng Su Sin, Chung Chải, Mường Nhé (huyện Mường Nhé), xã Mường Tùng, Huổi Mí (huyện Mường Chà), xã Mường Luân, Luân Giới (huyện Điện Biên Đông) và phường Lay Nưa, Na Lay, Sông Đã (thị xã Mường Lay) với 5.874 người bị ảnh hưởng (chiếm 95% tổng số người bị ảnh hưởng). Nguyên nhân được xác định là do khu vực chăn thả chưa được quy hoạch rõ ràng, tại nhiều nơi còn có sự chồng lấn với diện tích quy hoạch cho phát triển rừng, điều này luôn tiềm ẩn các rủi ro gây ảnh hưởng tới cả 2 loại hình sinh kế này của người dân.

Cần lưu ý rằng, trong số 6.149 người bị ảnh hưởng bởi rủi ro “Sự cô lập các nhóm sinh kế đặc thù”, cũng một phần liên quan tới rủi ro “Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên”. Để đảm bảo độ chính xác trong giám sát MTXH, vấn đề này nên được lưu ý để khắc phục trong việc giám sát năm 2019.

c) Gói giải pháp 2: Nâng cao hiệu quả công tác phát triển rừng (trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng)

Rủi ro môi trường: Phá rừng gần khu vực phát triển cơ sở hạ tầng lâm sinh.
Thời gian giám sát: từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018.
Nguồn dữ liệu: Kết quả khảo sát ngoại nghiệp của Hạt Kiểm lâm các huyện ưu tiên.

Bảng 10. Kết quả giám sát gói giải pháp 2- rủi ro MT (2), khung MTXH

Huyện	Rủi ro	Tên công trình hạ tầng lâm sinh	Diện tích rừng bị phá (ha)	Mức độ ảnh hưởng
Mường Nhé	Phá rừng gần khu vực phát triển cơ sở hạ tầng lâm sinh	Không	0	
Mường Chà	Phá rừng gần khu vực phát triển cơ sở hạ tầng lâm sinh	Không	0	
Tuần Giáo	Phá rừng gần khu vực phát triển cơ sở hạ tầng lâm sinh	Không	0	
Mường Ảng	Phá rừng gần khu vực phát triển cơ sở hạ tầng lâm sinh	Không	0	
Điện Biên Đông	Phá rừng gần khu vực phát triển cơ sở hạ tầng lâm sinh	Không	0	
Điện Biên	Phá rừng gần khu vực phát triển cơ sở hạ tầng lâm sinh	Không	0	
TX. Mường	Phá rừng gần khu vực phát triển cơ sở	Không	0	

Huyện	Rủi ro	Tên công trình hạ tầng lâm sinh	Diện tích rừng bị phá (ha)	Mức độ ảnh hưởng
Lay	hạng tầng lâm sinh			
Tùa Chùa	Phá rừng gần khu vực phát triển cơ sở hạ tầng lâm sinh	Không	0	
KV ưu tiên	Phá rừng gần khu vực phát triển cơ sở hạ tầng lâm sinh	Không	0	Thấp

Theo Bảng 10, không có diện tích rừng nào bị phá liên quan tới việc xây dựng các công trình hạ tầng lâm sinh trên khu vực ưu tiên. Do vậy, mục tiêu về mặt đảm bảo an toàn xã hội của gói giải pháp 2 trong năm 2018 đã đạt được.

Thực tế khảo sát cho thấy, không có các công trình lâm sinh được xây dựng mới trong năm 2018. Hệ thống các đường lâm nghiệp, trạm bảo vệ rừng, chòi canh rừng,... đã được xây dựng từ những năm trước đây và không để lại những ảnh hưởng tiêu cực, công tác duy tu bảo dưỡng, sửa chữa các công trình này cũng không tác động và làm ảnh hưởng đến diện tích rừng hiện có.

c) Gói giải pháp 3: Tránh, giảm thiểu và bù đắp các tác động tiêu cực gây ra bởi việc chuyển đổi rừng sang các mục đích khác (triển cơ sở hạ tầng, thủy điện, khoáng sản...)

Rủi ro xã hội: Xung đột sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên.
Thời gian giám sát: từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018.
Nguồn dữ liệu: Kết quả khảo sát ngoại nghiệp của Hạt Kiểm lâm các huyện ưu tiên.

Bảng 11. Kết quả giám sát gói giải pháp 5 - khung MTXH

Huyện	Rủi ro	Số vụ	Mức độ ảnh hưởng
Mường Nhé	Xung đột sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	0 vụ	
Nậm Pồ	Xung đột sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	0 vụ	
Mường Chà	Xung đột sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	3 vụ	
Điện Biên Đông	Xung đột sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	0 vụ	
Tùa Chùa	Xung đột sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	0 vụ	
KV ưu tiên	Xung đột sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	3 vụ	Thấp

Theo Bảng 15, trên KV ưu tiên, có 3 vụ “Xung đột sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên” được thống kê, sự ảnh hưởng được xác định ở mức thấp. Do vậy, việc thực hiện gói giải pháp 3 năm 2018 đã đạt được mục tiêu về mặt đảm bảo an toàn xã hội.

Có thể nói đây cũng là một kết quả tất yếu và hoàn toàn dễ hiểu khi trong năm 2018 không có công trình phát triển cơ sở hạ tầng và khai khoáng nào được khởi công mới tại khu vực ưu tiên, trong khi đó sự ảnh hưởng về mặt xã hội của các dự án có liên quan trước đây là không đáng kể. Về mặt chủ trương, sau khi Chỉ thị số 13-CT/TW

ngày 12 tháng 1 năm 2017 của Ban bí thư được ban hành, tỉnh Điện Biên đã tích cực rà soát, điều chỉnh lại các dự án nhằm hạn chế tới mức tối đa sự tác động tiêu cực lên tài nguyên rừng.

e) Gói giải pháp 4: Kiểm soát cháy rừng

Rủi ro xã hội: Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống; xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên.

Thời gian giám sát: từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018.

Nguồn dữ liệu: Kết quả khảo sát ngoại nghiệp của Hạt Kiểm lâm các huyện ưu tiên.

Bảng 12. Kết quả giám sát gói giải pháp 2- rủi ro XH, khung MTXH

Huyện	Rủi ro	Số vụ, số người bị ảnh hưởng	Mức độ ảnh hưởng
Mường Nhé	Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	2.637 người	
	Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	0 vụ	
Nậm Pồ	Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	540 người	
	Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	7 vụ	
Mường Chà	Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	172 người	
	Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	0 vụ	
Tuần Giáo	Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	1.590 người	
	Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	5 vụ	
Mường Ảng	Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	446 người	
	Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	0 vụ	
Điện Biên Đông	Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	1.385 người	
	Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	2 vụ	
Điện Biên	Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	4.225 người	
	Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	0 vụ	
TX. Mường Lay	Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	5.304 người	
	Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	0 vụ	
Tủa Chùa	Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	160 người	
	Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	0 vụ	

Huyện	Rủi ro	Số vụ, số người bị ảnh hưởng	Mức độ ảnh hưởng
KV ưu tiên	Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	16.459 người	Cao
	Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	14 vụ	Thấp

Theo Bảng 12, trên KV ưu tiên, rủi ro “Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên” xảy ra ở mức ảnh hưởng thấp, trong khi rủi ro “Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống” lại xảy ra ở mức ảnh hưởng cao. Do vậy, kết quả thực hiện gói giải pháp 4 đã không hoàn thành mục tiêu năm 2018 về đảm bảo an toàn xã hội. 16.459

Rủi ro “Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống” tác động chính lên nhóm cộng đồng thuộc người dân tộc thiểu số Mông, Thái, tại một số khu vực thuộc xã Chung Chải, Mường Nhé, Nậm Kè (huyện Mường Nhé), xã Pa Tần, Chà Cang, Chà Nưa (huyện Nậm Pồ), xã Phình Sáng, Ta Ma, Tỏa Tình, Pú Xi (huyện Tuần Giáo), xã Nà Tấu, Nà Nhạn, Na Tông, Mường Nhà (huyện Điện Biên), phường Lay Nưa (thị xã Mường Lay), xã Mường Tùng, Hừa Ngải, Mường Mươn, Huổi Mí (huyện Mường Chà), xã Kem Lôm, Phình Giàng (huyện Điện Biên Đông), xã Mường Đẳng, Ngòi Cáy, Ảng Tở (huyện Mường Ảng) và xã Mường Đun, Tủa Thàng (huyện Tủa Chùa) với số người bị ảnh hưởng là 16.459 người (chiếm 92% tổng số người bị ảnh hưởng). Sinh kế truyền thống của nhóm người này phụ thuộc, đồng thời tác động trực tiếp lên tài nguyên rừng, đặc biệt là các hoạt động đốt ong để khai thác mật, đốt thực bì làm nương, đốt bãi chăn thả gia súc... Do đó, sự kiểm soát sử dụng lửa nhằm hạn chế cháy rừng không thể tránh khỏi những ảnh hưởng nhất định lên nhóm cộng đồng này.

e) Gói giải pháp 4: Kiểm soát cháy rừng

Rủi ro môi trường: Tạo vật liệu cháy, tiềm ẩn nguy cơ cháy rừng.

Thời gian giám sát: từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018.

Nguồn dữ liệu: Kết quả khảo sát ngoại nghiệp của Hạt Kiểm lâm các huyện ưu tiên.

Bảng 13. Kết quả giám sát gói giải pháp 4- rủi ro MT, khung MTXH

Huyện	Rủi ro	Ước tính Diện tích (ha)	Mức độ ảnh hưởng
Mường Nhé	Tạo vật liệu cháy, tiềm ẩn nguy cơ cháy rừng	3	
Nậm Pồ	Tạo vật liệu cháy, tiềm ẩn nguy cơ cháy rừng	0	
Mường Chà	Tạo vật liệu cháy, tiềm ẩn nguy cơ cháy rừng	29	
Tuần Giáo	Tạo vật liệu cháy, tiềm ẩn nguy cơ cháy rừng	0	
Mường Ảng	Tạo vật liệu cháy, tiềm ẩn nguy cơ cháy rừng	47	

Huyện	Rủ ro	Ước tính Diện tích (ha)	Mức độ ảnh hưởng
Điện Biên Đông	Tạo vật liệu cháy, tiềm ẩn nguy cơ cháy rừng	1	
Điện Biên	Tạo vật liệu cháy, tiềm ẩn nguy cơ cháy rừng	0	
TX. Mường Lay	Tạo vật liệu cháy, tiềm ẩn nguy cơ cháy rừng	26	
Tủa Chùa	Tạo vật liệu cháy, tiềm ẩn nguy cơ cháy rừng	0	
KV ưu tiên	Tạo vật liệu cháy, tiềm ẩn nguy cơ cháy rừng	106	Thấp

Theo Bảng 13, rủi ro “*Tiềm ẩn nguy cơ cháy rừng do kiểm soát tốt trong việc sử dụng lửa dẫn đến tích lũy vật liệu cháy*” xảy ra tại 5/9 huyện thuộc khu vực ưu tiên với tổng diện tích là 106 ha và được xác định ở mức ảnh hưởng trung bình. Do vậy, kết quả thực hiện gói giải pháp 3 đã không hoàn thành mục tiêu năm 2018 về đảm bảo an toàn môi trường.

Phần lớn diện tích có nguy cơ xảy ra rủi ro phân bố tập trung tại một số khu vực thuộc xã Ảng Tở, huyện Mường Ảng (*chiếm 44% tổng diện tích có nguy cơ cháy cao*). Nguyên nhân được xác định là do có nhiều vật liệu gây cháy gồm cành, lá khô dưới tán rừng trồng thông (10 tuổi). Bản chất của rừng thông đã là dễ cháy và nguy cơ cháy sẽ cao hơn rất nhiều nếu để lớp thực bì quá dày.

Bên cạnh đó, một số diện tích rừng với thảm thực bì dày (*gồm cành, lá khô*), phân bố xa khu dân cư, nhưng lại gần nương rẫy của người dân cũng đang đứng trước rủi ro có nguy cơ cháy cao do cháy lan từ việc đốt nương làm rẫy, điển hình là 29 ha tại huyện xã Mường Tùng, huyện Mường Chà.

f) Gói giải pháp 5: Hạn chế sử dụng rừng tự nhiên không bền vững / trái phép

Rủ ro xã hội: Xung đột sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên; mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống.

Thời gian giám sát: từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018.

Nguồn dữ liệu: Kết quả khảo sát ngoại nghiệp của Hạt Kiểm lâm các huyện ưu tiên.

Bảng 14. Kết quả giám sát gói giải pháp 4 - khung MTXH

Huyện	Rủ ro	Số vụ, số người bị ảnh hưởng	Mức độ ảnh hưởng
Mường Nhé	Xung đột sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	4 vụ	
	Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	5.490 người	
Tuần Giáo	Xung đột sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	1 vụ	
	Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	2.117 người	

Huyện	Rủi ro	Số vụ, số người bị ảnh hưởng	Mức độ ảnh hưởng
Điện Biên	Xung đột sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	0 vụ	
	Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	4.120 người	
Tủa Chùa	Xung đột sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	0 vụ	
	Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	3.800 người	
KV ưu tiên	Xung đột sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	5 vụ	Thấp
	Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	15.617 người	Cao

Theo Bảng 14, trên khu KV ưu tiên, rủi ro “*Xung đột sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên*” xảy ra ở mức độ ảnh hưởng thấp, tuy nhiên rủi ro “*Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống*” lại xảy ra ở mức ảnh hưởng cao. Do vậy, kết quả thực hiện gói giải pháp 5 năm 2018 đã không hoàn thành mục tiêu về đảm bảo an toàn xã hội.

Thực tế khảo sát cho thấy, rủi ro “*Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống*” xảy ra với khoảng 15.617 người, chủ yếu là người dân tộc thiểu số sống gần rừng, đặc biệt tập trung tại một số khu vực thuộc xã Chung Chải, Mường Nhé, Nậm Kè (*huyện Mường Nhé*), xã Nà Tấu, Nà Nhạn, Na Tông, Mường Nhà (*huyện Điện Biên*) xã Mường Đun, Tủa Thàng (*huyện Tủa Chùa*) và xã Phình Sáng, Ta Ma, Tỏa Tình, Pú Xi (*huyện Tuần Giáo*). Nhóm cộng đồng này có những truyền thống văn hóa đặc thù gắn bó lâu đời với rừng và các sản phẩm từ rừng như: Ở nhà sàn làm bằng gỗ; đun nấu, sưởi ấm bằng củi. Bên cạnh đó, đặc điểm sinh kế của người dân nơi đây vẫn còn mang nặng tính tự cung, tự cấp như đốt ong, thu hái lâm sản phụ (măng, dược liệu,...),... Trong khi đó, các hoạt động nhằm hài hòa giữa công tác bảo vệ rừng và việc giữ gìn các đặc điểm truyền thống về văn hóa, sinh kế và kiến thức bản địa vẫn chưa được chú trọng.

f) Gói giải pháp chung (2)

Rủi ro xã hội: Người dân có thể hiểu nhầm về REDD+ và trông đợi quá nhiều vào lợi ích REDD+ mang lại. Điều này có thể tạo những vấn đề xáo trộn trong cộng đồng dân cư.

Thời gian giám sát: từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018.

Nguồn dữ liệu: Kết quả khảo sát ngoại nghiệp của Hạt Kiểm lâm các huyện ưu tiên.

Bảng 15. Kết quả giám sát gói giải pháp chung - khung MTXH

Huyện	Rủi ro	Số người bị ảnh hưởng	Mức độ ảnh hưởng
Mường Nhé	Người dân có thể hiểu nhầm về REDD+ và trông đợi quá nhiều vào lợi ích REDD+ mang lại. Điều này có thể tạo những vấn đề xáo trộn trong cộng đồng dân cư.	0	
Nậm Pồ	Người dân có thể hiểu nhầm về REDD+ và trông đợi quá nhiều vào lợi ích REDD+ mang lại. Điều này có thể tạo những vấn đề xáo trộn trong cộng đồng dân cư.	0	
Mường Chà	Người dân có thể hiểu nhầm về REDD+ và trông đợi quá nhiều vào lợi ích REDD+ mang lại. Điều này có thể tạo những vấn đề xáo trộn trong cộng đồng dân cư.	0	
Tuần Giáo	Người dân có thể hiểu nhầm về REDD+ và trông đợi quá nhiều vào lợi ích REDD+ mang lại. Điều này có thể tạo những vấn đề xáo trộn trong cộng đồng dân cư.	0	
Mường Ảng	Người dân có thể hiểu nhầm về REDD+ và trông đợi quá nhiều vào lợi ích REDD+ mang lại. Điều này có thể tạo những vấn đề xáo trộn trong cộng đồng dân cư.	0	
Điện Biên Đông	Người dân có thể hiểu nhầm về REDD+ và trông đợi quá nhiều vào lợi ích REDD+ mang lại. Điều này có thể tạo những vấn đề xáo trộn trong cộng đồng dân cư.	0	
Điện Biên	Người dân có thể hiểu nhầm về REDD+ và trông đợi quá nhiều vào lợi ích REDD+ mang lại. Điều này có thể tạo những vấn đề xáo trộn trong cộng đồng dân cư.	0	
TX. Mường Lay	Người dân có thể hiểu nhầm về REDD+ và trông đợi quá nhiều vào lợi ích REDD+ mang lại. Điều này có thể tạo những vấn đề xáo trộn trong cộng đồng dân cư.	0	
Tủa Chùa	Người dân có thể hiểu nhầm về REDD+ và trông đợi quá nhiều vào lợi ích REDD+ mang lại. Điều này có thể tạo những vấn đề xáo trộn trong cộng đồng dân cư.	0	
KV ưu tiên	Người dân có thể hiểu nhầm về REDD+ và trông đợi quá nhiều vào lợi ích REDD+ mang lại. Điều này có thể tạo những vấn đề xáo trộn trong cộng đồng dân cư.	0	Thấp

Theo Bảng 16, quá trình thực hiện REDD+ trên khu vực ưu tiên trong năm 2018 đã không xảy ra rủi ro “*Người dân có thể hiểu nhầm về REDD+ và trông đợi quá nhiều vào lợi ích kinh tế từ REDD+ mang lại, điều này có thể tạo những vấn đề xáo trộn trong cộng đồng dân cư*”. Trên thực tế, theo kết quả khảo sát, phần lớn người dân, thậm chí cán bộ cấp xã nơi triển khai PRAP thì REDD+ vẫn còn là một khái niệm hoàn toàn mới. Một khi người dân còn chưa hiểu về REDD+ thì điều tất yếu là họ sẽ không trông chờ hay mong đợi bất cứ điều gì. Do vậy, có thể nói việc đánh giá rủi ro này trong năm 2018 chỉ mang tính chất tương đối. Thông tin thu thập được sẽ sát thực hơn cho các năm tiếp theo (2019, 2020) khi người dân đã hiểu hơn về REDD+ thông qua các hoạt động đã được triển khai từ năm trước. Điều này một phần có nguyên nhân từ công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về REDD+ chưa được thực hiện tốt.

4.2.2. Tồn tại và nguyên nhân

a) Tồn tại

- Gói giải pháp 1 (*Kiểm soát hành vi phá rừng làm nương*): Kết quả thực hiện gói giải pháp 2 năm 2018 đã không hoàn thành mục tiêu về đảm bảo an toàn xã hội 2018 khi đề xảy ra rủi ro “*Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống*” ở mức độ ảnh hưởng cao.

- Gói giải pháp 2 (*Nâng cao hiệu quả công tác phát triển rừng (trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng)*): Kết quả thực hiện gói giải pháp 2 năm 2018 đã không hoàn thành mục tiêu năm 2018 về đảm bảo an toàn xã hội khi đề xảy ra rủi ro “*Sự cố lập các nhóm sinh kế đặc thù*” ở mức độ ảnh hưởng cao.

- Gói giải pháp 4 (*Kiểm soát cháy rừng*): Kết quả thực hiện gói giải pháp 4 đã không hoàn thành mục tiêu năm 2018 về đảm bảo an toàn môi trường và xã hội khi đề xảy ra rủi ro “*Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống*” và rủi ro “*Tiềm ẩn nguy cơ cháy rừng do kiểm soát tốt trong việc sử dụng lửa dẫn đến tích lũy vật liệu cháy*” ở mức ảnh hưởng cao.

- Gói giải pháp 5 (*Hạn chế sử dụng rừng tự nhiên không bền vững / trái phép*): Kết quả thực hiện gói giải pháp 5 năm 2018 đã không hoàn thành mục tiêu về đảm bảo an toàn xã hội khi đề xảy ra rủi ro “*Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống*” ở mức ảnh hưởng trung bình.

b) Nguyên nhân

Các nguyên nhân dẫn đến tồn tại của các gói giải pháp 1, 2,4,5 đã được phân tích chi tiết tại mục 4.2.1. Tuy vậy có thể tóm lược lại như sau:

- Gói giải pháp 1 (*Kiểm soát hành vi phá rừng làm nương*): rủi ro xã hội tác động trực tiếp lên tập quán canh tác nương rẫy luân canh của người dân khi họ quay lại đốt nương làm rẫy trên diện tích nương cũ đã thành rừng, trong khi diện tích này đang được bảo vệ bởi chính quyền địa phương.

- Gói giải pháp 2 (*Nâng cao hiệu quả công tác phát triển rừng (trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng)*): Nguyên nhân được xác định là do khu vực chăn thả chưa được quy hoạch rõ ràng, tại nhiều nơi còn có sự chồng lấn với diện tích quy hoạch cho phát triển rừng.

- Gói giải pháp 4 (*Kiểm soát cháy rừng*):

+ Hạn chế sử dụng lửa làm ảnh hưởng tới một số hoạt động sinh kế truyền thống của người dân, chủ yếu là đốt thực bì làm nương rẫy, đốt ong lấy mật, đốt bãi chăn thả gia súc.

+ Nguyên nhân dẫn đến nguy cơ cháy cao là do vật liệu cháy được tích lũy quá dày dưới tán rừng trồng thông (khu vực xã Ảng Tở, huyện Mường Ảng). Mặt khác một số diện tích với thảm thực bì dày phân bố xa khu dân cư, gần nương rẫy, có nguy cơ cháy cao do ảnh hưởng từ việc đốt nương làm rẫy (khu vực xã Mường Tùng, huyện Mường Chà).

- Gói giải pháp 5 (*Hạn chế sử dụng rừng tự nhiên không bền vững / trái phép*): Hạn chế khai thác gỗ và các tác động trái phép lên tài nguyên rừng đã ảnh hưởng tới một số thói quen cũ của người dân như làm nhà sàn bằng gỗ, sử dụng gỗ, củi trong đun nấu, sưởi ấm,...trong khi chính quyền địa phương chưa thực sự quan tâm triển

khai các hoạt động cần thiết nhằm hài hòa các đặc điểm truyền thống về sinh kế, văn hóa, kiến thức bản địa của người dân địa phương với công tác quản lý bảo vệ rừng.

Bên cạnh các nguyên nhân đặc thù cho từng gói giải pháp, dưới đây là một số nguyên nhân có sự ảnh hưởng chung.

- Để giảm thiểu rủi ro trong quá trình thực hiện REDD+. Việc triển khai các biện pháp giảm thiểu rủi ro (*tham khảo khung giám sát đánh giá PRAP tỉnh Điện Biên*) một cách kịp thời sẽ đóng một vai trò quan trọng. Tuy nhiên ngoại trừ một số biện pháp có nội dung trùng với các hoạt động REDD+ là đã được thực hiện, hầu hết các biện pháp khác vẫn chưa được triển khai. Điều này dẫn đến nguy cơ xảy ra các rủi ro sẽ cao hơn và ở mức độ nghiêm trọng hơn. Bên cạnh đó, mặc dù đã được dự án SNRM hỗ trợ kinh phí để thực hiện giám sát PRAP, tuy nhiên nguồn kinh phí cho việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro là chưa được xác định một cách cụ thể.

- Mặc dù đã nhận được sự phối hợp tích cực của chính quyền, cơ quan chức năng tại các huyện ưu tiên, trong việc thu thập thông tin phục vụ đánh giá rủi ro về MTXH trong thực hiện REDD+. Tuy nhiên đây là một khái niệm tương đối mới và cần nhiều thời gian để tiếp cận và hiểu thấu đáo. Điều này một phần ảnh hưởng tới chất lượng thông tin thu thập được từ đó ảnh hưởng tới độ chính xác của việc đánh giá các rủi ro.

5. Kết luận và khuyến nghị

5.1. Kết luận

Một gói giải pháp được gọi là thực hiện thành công khi đáp ứng được các yêu cầu: Đạt được mục tiêu theo chỉ số đầu ra, đồng thời đảm bảo được an toàn MTXH theo 7 tiêu chí Cancun thông qua việc không để xảy ra các rủi ro, hoặc để xảy ra rủi ro ở mức độ ảnh hưởng thấp.

Bảng 16. Kết quả giám sát các gói giải pháp PRAP tỉnh Điện Biên năm 2018

STT	Gói giải pháp	Chỉ số kết quả		Rủi ro về MTXH		Đánh giá chung	
		Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt
1	Kiểm soát hành vi phá rừng làm nương	x			x		x
2	Nâng cao hiệu quả công tác phát triển rừng (trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng)		x		x		x
3	Tránh, giảm thiểu và bù đắp các tác động tiêu cực gây ra bởi việc chuyển đổi rừng sang các mục đích khác (triển cơ sở hạ tầng, thủy điện, khoáng sản...)	x		x		x	
4	Kiểm soát cháy rừng	x			x		x
5	Hạn chế khai thác rừng trái pháp luật, không bền vững	x			x		x
6	Gói giải pháp chung						
6.1	<i>Cải tiến hệ thống theo dõi diễn biến nguồn tài nguyên Rừng</i>	x				x	
6.2	<i>Nâng cao nhận thức về và đào tạo năng lực thực hiện REDD+</i>	x			x	x	

Theo Bảng 16, quá trình thực hiện PRAP tỉnh Điện Biên năm 2018 có thể được kết luận như sau:

- Gói giải pháp 3, gói giải pháp chung (1) được thực hiện thành công. Kết quả thực hiện đã đạt được mục tiêu theo chỉ số đầu ra đồng thời không tạo nên các rủi ro về MTXH.

- Gói giải pháp 2 được thực hiện không thành công. Kết quả thực hiện tuy đã

đảm bảo yêu cầu về an toàn môi trường, những đã không hoàn thành mục tiêu theo chỉ số đầu ra, đồng thời tạo nên rủi ro về xã hội ở mức ảnh hưởng cao.

- Gói giải pháp 1, gói phải pháp 4, gói giải pháp 5 chưa được thực hiện thành công. Kết quả thực hiện tuy hoàn thành mục tiêu theo chỉ số đầu ra, nhưng lại tạo các rủi ro về xã hội ở mức ảnh hưởng cao. Riêng gói giải pháp 4 đã không đảm bảo an toàn về cả môi trường và xã hội.

- Gói giải pháp chung (2) chưa được thực hiện thành công. Việc thực hiện không đạt kết quả tốt theo chỉ số đầu ra và có thể dẫn đến nguy cơ không hoàn thành mục tiêu chung của cả giai đoạn.

5.2. Khuyến nghị

Dựa trên các kết quả thu nhận được từ công tác giám sát thực hiện PRAP năm 2018, dưới đây là một số khuyến nghị nhằm giúp phát huy các thành tích đạt được và hạn chế các tồn tại trong việc thực hiện PRAP các năm tiếp theo.

- Gói giải pháp 2:

+ Để hoàn thành mục tiêu theo chỉ số đầu ra, trong các năm tiếp theo cần phải cân đối lại nguồn lực, cũng như căn cứ vào khả năng hoàn thành kế hoạch của địa phương để giao chỉ tiêu cho phù hợp, đặc biệt là hoạt động khoanh nuôi tái sinh rừng. Mặt khác cần khuyến khích người dân hợp tác tích cực trong việc giải quyết thỏa đáng các vấn đề về quỹ đất sử dụng cho mục đích KNTS rừng, đặc biệt trong bối cảnh chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông lâm nghiệp theo Quyết định số 45/2018/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND tỉnh đã được ban hành, trong đó người dân được hỗ trợ 2,5 triệu đồng/ha/năm trong chu kỳ 6 năm.

+ Đối với mục tiêu đảm bảo an toàn xã hội, mà trực tiếp ảnh hưởng tới 6.149 người dân đang thực hiện sinh kế chăn thả rông gia súc. Trước hết cần tập trung vào một số vấn đề: đẩy mạnh công tác vận động, khuyến khích người dân chuyển từ chăn thả rông gia súc sang nuôi nhốt thông qua các hoạt động hỗ trợ về xây dựng chuồng trại, trồng cỏ chăn nuôi; rà soát lại diện tích bãi chăn thả trong khu vực và giải quyết triệt để phần diện tích còn chồng lấn với diện tích quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp và các mục đích khác có liên quan; tăng cường kiểm tra việc thực hiện quy ước QLTVR của cộng đồng.

- Gói giải pháp 1, gói giải pháp 4, gói giải pháp 5:

+ Nhằm hạn chế rủi ro xã hội “*Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống*” cần ưu tiên nhân rộng một số hoạt động đã đạt kết quả tốt tại xã Pá Khoang, huyện Điện Biên (*xã thực hiện thí điểm REDD+*) và các địa phương khác như cung cấp và khuyến khích sử dụng bếp cải tiến tiết kiệm củi, hỗ trợ xây dựng hầm Biogas và các hoạt động sinh kế như nuôi ong,...

+ Nhằm hạn chế rủi ro môi trường “*Tạo vật liệu cháy, tiềm ẩn nguy cơ cháy rừng*” (gói giải pháp 4), cần phải rà soát lại các khu vực đang tiềm ẩn nguy cơ cháy, thu dọn các vật liệu cháy tích lũy qua nhiều năm như khối lượng cành, lá khô, đặc biệt là tại các khu vực đặc thù như rừng trồng thông, các diện tích rừng gần khu vực đốt nương làm rẫy của người dân.

- Gói giải pháp chung (2): Một mặt cần tiếp tục huy động nguồn vốn cần thiết để triển khai các hoạt động của gói giải pháp này, mặt khác để tiết kiệm kinh phí và

thời gian, cần phải lồng ghép công tác tuyên truyền về REDD+ với hoạt động tuyên truyền PCCCR hàng năm của Kiểm lâm.

Trên đây là một số khuyến nghị để giải quyết các tồn tại cho từng gói giải pháp cụ thể. Các khuyến nghị khác có sự tác động chung được đề xuất như sau:

- Để đảm bảo việc đạt được mục tiêu theo chỉ số đầu ra cho các năm tiếp theo, cần tích cực huy động nguồn lực tài chính để thực hiện các hoạt động theo kế hoạch (hợp phần II - PRAP). Đối với nguồn ngân sách nhà nước, cần phải đảm bảo tiến độ cấp vốn, đặc biệt là cho việc thực hiện các giải pháp: Nâng cao năng lực ứng phó với cháy rừng; hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; nâng cao hiệu quả quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, rừng và giao đất, giao rừng (tham khảo phụ lục 01, KHHĐ REDD+ tỉnh Điện Biên). Đối với các nguồn hỗ trợ từ quốc tế, một mặt nên tiếp tục theo dõi tình hình của dự án JICA 3, mặt khác cần tích cực kêu gọi sự đầu tư từ các tổ chức, dự án khác có liên quan.

- Nhằm hạn chế các tác động tiêu cực về mặt MTXH, cần thiết phải thực hiện được các biện pháp giảm thiểu rủi ro song song với việc triển khai các hoạt động REDD+ (*chi tiết các biện pháp giảm thiểu rủi ro, tham khảo khung MTXH – PRAP tỉnh Điện Biên*).

- Đối với việc tổ chức giám sát PRAP năm 2019 và các năm tiếp theo, để đạt hiệu quả hơn trong công tác thu thập thông tin, đặc biệt là các thông tin về MTXH, cần thiết phải mở các lớp tập huấn cho cán bộ của các phòng ban cấp huyện và Hạt Kiểm lâm tại khu vực ưu tiên.

- Cuối cùng, sự hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật của dự án SNRM cho việc thực hiện giám sát PRAP là rất quan trọng, hoạt động này cần tiếp tục được duy trì cho các năm tiếp theo.

PHỤ LỤC

Phụ lục 01. Gói giải pháp thực hiện PRAP phân theo các huyện ưu tiên

TT	Gói Giải pháp	Huyện								
		Mường Nhé	Nậm Pồ	Mường Chà	Tuần Giáo	Mường Ảng	Điện Biên Đông	Điện Biên	TX Mường Lay	Tủa Chùa
1	Kiểm soát hành vi phá rừng làm nương	x	x	x	x	x	x	x		x
2	Nâng cao hiệu quả công tác phát triển rừng (trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh)	x		x	x	x	x	x	x	x
3	Hạn chế các tác động tiêu cực gây ra bởi việc chuyển đổi rừng sang các mục đích khác	x	x	x			x			x
4	Kiểm soát cháy rừng	x	x	x	x	x	x	x	x	x
5	Hạn chế khai thác rừng trái pháp luật, không bền vững	x			x			x		x
6	Gói giải pháp chung	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Phụ lục 02. Danh sách các xã ưu tiên thực hiện PRAP tỉnh Điện Biên

Stt	Huyện/thị xã	Xã/phường	Tiêu chí lựa chọn		
			Giảm mất rừng	Giảm suy thoái rừng	Tăng cường trữ lượng các-bon rừng rừng
1	Mường Nhé (5 xã)	Sín Thầu			x
2		Leng Su Sìn	x	x	x
3		Chung Chải	x	x	x
4		Mường Nhé	x	x	x
5		Nậm Kè			x
6	Nậm Pồ (5 xã)	Pa Tần	x		
7		Chà Cang	x		
8		Chà Nưa	x		
9		Nậm Khăn	x	x	
10		Chà Tờ	x	x	
11	Mường Chà (4 xã)	Mường Tùng	x		x
12		Hừa Ngải	x	x	
13		Huổi Mí	x		
14		Mường Mươn	x		x

Stt	Huyện/thị xã	Xã/phường	Tiêu chí lựa chọn		
			Giảm mất rừng	Giảm suy thoái rừng	Tăng cường trữ lượng các-bon rừng rừng
15	Tuần Giáo (5 xã)	Phình Sáng	x	x	x
16		Ta Ma	x	x	x
17		Tòa Tình	x	x	x
18		Pú Xi	x	x	x
19		Tênh Phong	x		
20	Mường Ảng (3 xã)	Mường Đăng	x		x
21		Ngôi Cáy	x		
22		Ảng Tở	x		x
23	Điện Biên Đông (4 xã)	Mường Luân			x
24		Keo Lô	x		
25		Luân Giới			x
26		Phình Giàng	x		
27	Điện Biên (7 xã)	Mường Phăng		x	
28		Pá Khoang		x	
29		Nà Tấu	x	x	
30		Nà Nhan	x		x
31		Na Tông	x		x
32		Mường Nhà	x	x	x
33		Phu Luông	x		x
34	Mường Lay (3 xã/phường)	Lay Nưa	x		x
35		Phường Sông Đà			x
36		Phường Na Lay			x
37	Tủa Chùa (3 xã)	Mường Đun	x	x	x
38		Xá Nhè		x	x
39		Tủa Thàng	x	x	
Tổng	9 huyện/thị xã	39 xã/phường	30	17	24

**Phụ lục 03. Khung giám sát đánh giá PRAP tỉnh Lai Châu năm 2018
(Khung kết quả)**

Stt	Gói Giải pháp/giải pháp	Dữ liệu nền	Chỉ số kết quả	Dữ liệu đầu vào cần thu thập	Nguồn thu thập	Thời gian thực hiện
1	Kiểm soát hành vi phá rừng làm nương	235 vụ chuyển đổi đất rừng bất hợp pháp sang canh tác nông nghiệp năm 2016	Số vụ phá rừng làm nương bình quân/năm giảm từ 10% trở lên trong giai đoạn 2017-2020	Số vụ phá rừng làm nương năm 2018	Hệ thống TDTNR, hồ sơ xác minh các vụ vi phạm_CCKL	1/1/2018 – 31/12/2018
2	Nâng cao hiệu quả công tác phát triển rừng (trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng)	Tỷ lệ giải ngân hàng năm thấp, bình quân toàn tỉnh đạt 41%/năm trong giai đoạn 2010-2016	Thực hiện đạt trên 80% kế hoạch phát triển rừng hàng năm trong giai đoạn 2017-2020	Mức hoàn thành kế hoạch (%) năm 2018	Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện công tác phát triển rừng cuối năm_CCLN	1/1/2018 – 31/12/2018

Stt	Gói Giải pháp/giải pháp	Dữ liệu nền	Chỉ số kết quả	Dữ liệu đầu vào cần thu thập	Nguồn thu thập	Thời gian thực hiện
3	Hạn chế các tác động tiêu cực gây ra bởi việc chuyển đổi rừng sang các mục đích khác (phát triển cơ sở hạ tầng, thủy điện, khoáng sản...)	Hoàn thành 80% diện tích cần trồng rừng thay thế giai đoạn 2010 – 2016	Hoàn thành 100% diện tích cần trồng rừng thay thế giai đoạn 2017 – 2020	Diện tích cần trồng rừng thay thế năm 2018 Diện tích trồng rừng thay thế đã thực hiện năm 2018	Báo cáo kết quả thực hiện trồng rừng thay thế_CCLN)	1/1/2018 – 31/12/2018
4	Kiểm soát cháy rừng	Số vụ cháy rừng bình quân hàng năm giai đoạn 2010-2016 là 35,6 vụ Diện tích rừng bị cháy bình quân hàng năm giai đoạn 2010-2016 là 181,7 ha	Số vụ cháy rừng/điện tích rừng bị cháy bình quân/năm giảm từ 10% trở lên trong giai đoạn 2017-2020	Số vụ cháy rừng năm 2018 Diện tích rừng bị cháy năm 2018	Hệ thống TDTNR, hồ sơ các vụ cháy rừng_CCKL	1/1/2018 – 31/12/2018
5	Hạn chế khai thác rừng trái pháp luật, không bền vững	167 vụ phá rừng trái pháp luật xảy ra trong năm 2016	Số vụ khai thác rừng trái pháp luật xảy ra hàng năm giảm từ 30% trở lên trong giai đoạn 2017-2020	Số vụ khai thác rừng trái phép năm 2018	Hồ sơ xác minh các vụ vi phạm_CCKL	1/1/2018 – 31/12/2018
6	Gói giải pháp chung	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
6.1	Cải tiến hệ thống theo dõi diễn biến rừng	10 Hạt Kiểm lâm, 5 Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng được tập huấn hệ thống theo dõi diễn biến rừng cải tiến năm 2016	100% Hạt Kiểm lâm, các Ban quản lý rừng áp dụng được phần mềm để cập nhật hệ thống theo dõi diễn biến rừng cải tiến trong giai đoạn 2017-2020	Hạt Kiểm lâm, BQL rừng áp dụng thành thạo hệ thống theo dõi DBR cải tiến năm 2018	Báo cáo công tác theo dõi diễn biến rừng năm 2018_CCKL).	1/1/2018 – 31/12/2018
6.2	Nâng cao nhận thức và đào tạo năng lực thực hiện REDD+	129 cán bộ có liên quan tham gia 3 hội thảo cấp tỉnh về xây dựng PRAP được tổ chức trong năm 2016, 2017	600 lượt cán bộ có liên quan tham gia các hội thảo về chia sẻ kiến thức REDD+ và kinh nghiệm thực hiện PRAP giai đoạn 2017-2020 (sau khi PRAP được phê duyệt)	Số lượt người tham gia các khóa đào tạo, nâng cao nhận thức REDD+ và BDKH	- Kết quả khảo sát của các huyện ưu tiên, - Báo cáo công tác QLBPTR hàng năm của CCKL, - Báo cáo hàng năm của dự án SNRM	1/1/2018 – 31/12/2018
		1 hoạt động nâng cao nhận thức về REDD+ được tổ chức tại xã Pá Khoang	9 hoạt động nâng cao nhận thức về REDD+ được tổ chức tại khu vực ưu tiên giai đoạn 2017-2020	Số hoạt động nâng cao nhận thức tại các xã ưu tiên	Báo cáo hoạt động của dự án SNRM và các báo cáo khác có liên quan	1/1/2018 – 31/12/2018

**Phụ lục 04. Khung giám sát đánh giá PRAP tỉnh Điện Biên năm 2018
(Khung môi trường xã hội)**

Stt	Gói Giải pháp/giải pháp	Rủi ro	Dữ liệu đầu vào cần thu thập	Nguồn thu thập	Thời gian thực hiện
1	Kiểm soát hành vi phá rừng làm nương	(1). Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên (2). Mâu thuẫn (ganh tị) giữa người không được hỗ trợ (ngoài xã ưu tiên) và người được hỗ trợ (xã mục tiêu) (3). Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	(1). Số vụ (2,3). Số thôn bản, số người bị ảnh hưởng	Kết quả khảo sát ngoại nghiệp của Hạt Kiểm lâm các huyện ưu tiên,	1/1/2018 – 31/12/2018
2	Nâng cao hiệu quả công tác phát triển rừng (trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng)	(1). Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên (2). Lợi dụng thị trường gỗ rừng trồng để khai thác gỗ rừng tự nhiên (3). Mâu thuẫn (ganh tị) giữa người không được hỗ trợ (ngoài xã ưu tiên) và người được hỗ trợ (xã mục tiêu) (4). Sự cô lập các nhóm sinh kế đặc thù (5). Việc phát triển cơ sở hạ tầng lâm sinh có thể gây ra mất rừng	(1). Số vụ (2,3,4). Số thôn bản, số người bị ảnh hưởng (5). Tên công trình lâm sinh, diện tích rừng bị phá	Kết quả khảo sát ngoại nghiệp của Hạt Kiểm lâm các huyện ưu tiên,	1/1/2018 – 31/12/2018
3	Tránh, giảm thiểu và bù đắp các tác động tiêu cực gây ra bởi việc chuyển đổi rừng sang các mục đích khác (triển cơ sở hạ tầng, thủy điện, khoáng sản...)	(1). Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	(1). Số vụ	Kết quả khảo sát ngoại nghiệp của Hạt Kiểm lâm các huyện ưu tiên,	1/1/2018 – 31/12/2018
4	Kiểm soát cháy rừng	(1). Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống (2). Xung đột về quản lý và sử dụng nguồn tài nguyên (3). Tạo vật liệu cháy, tiềm ẩn nguy cơ cháy rừng	(1). Số người bị ảnh hưởng (2). Số vụ (3). Địa danh và diện tích khu rừng có nguy cơ bị cháy do tích lũy vật liệu cháy	- Kết quả khảo sát ngoại nghiệp của Hạt Kiểm lâm các huyện ưu tiên	1/1/2018 – 31/12/2018

Stt	Gói Giải pháp/giải pháp	Rủi ro	Dữ liệu đầu vào cần thu thập	Nguồn thu thập	Thời gian thực hiện
5	Hạn chế khai thác rừng trái pháp luật, không bền vững	(1). Xung đột về quản lý và sử dụng nguồn tài nguyên (2). Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	(1). Số vụ (2). Số người bị ảnh hưởng	Kết quả khảo sát ngoại nghiệp của Hạt Kiểm lâm các huyện ưu tiên	1/1/2018 – 31/12/2018
6	Gói giải pháp chung	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
6.1	Cải tiến hệ thống theo dõi diễn biến rừng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
6.2	Nâng cao nhận thức và đào tạo năng lực thực hiện REDD+	Người dân có thể hiểu nhầm về REDD+ và trông đợi quá nhiều vào lợi ích REDD+ mang lại. Điều này có thể tạo những vấn đề xáo trộn trong cộng đồng dân cư	Số thôn bản, số người bị ảnh hưởng	Kết quả khảo sát ngoại nghiệp của Hạt Kiểm lâm các huyện ưu tiên	1/1/2018 – 31/12/2018

Phụ lục 05. Phân loại rủi ro môi trường theo nguyên tắc đảm bảo an toàn CanCun

Stt	Rủi ro môi trường	Nguyên tắc đảm bảo an toàn Can Cun
1	Chuyển dịch địa điểm phá rừng	CanCun safeguard g) – dịch chuyển phát thải
2	Chuyển đổi rừng tự nhiên sang rừng trồng	CanCun safeguard (e) – bảo tồn rừng tự nhiên và đa dạng sinh học

Phụ lục 06. Phân loại rủi ro xã hội theo nguyên tắc đảm bảo an toàn CanCun

Stt	Rủi ro xã hội	Nguyên tắc đảm bảo an toàn Can Cun
1	Xung đột về sử dụng nguồn tài nguyên	Safeguard (b) – minh bạch và quản trị rừng quốc gia hiệu quả Safeguard (d) – sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan
2	Sự cô lập các nhóm sinh kế đặc thù	Safeguard (c) – quyền của cộng đồng và người bản địa Safeguard (d) – sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan
3	Mâu thuẫn (ganh tị) giữa người dân trong và ngoài cộng đồng được dự án hỗ trợ.	Safeguard (b) – quản trị rừng quốc gia hiệu quả và minh bạch Safeguard (d) – sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan
4	Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	Safeguard (c) – quyền của cộng đồng và người bản địa

Phụ lục 07. Tiêu chí phân ngưỡng các rủi ro theo huyện

Stt	Phân ngưỡng	Tiêu chí	Lưu ý
1	Thấp	Diện tích (ha) rừng bị phá gần khu vực phát triển cơ sở hạng tầng lâm sinh (0 - <1)	- Áp dụng với rủi ro: Phá rừng gần khu vực phát triển cơ sở hạng tầng lâm sinh (gói giải pháp 2).
		Diện tích khu rừng tiềm ẩn nguy cơ cháy rừng do tích lũy vật liệu cháy (0 - <100)	Áp dụng với rủi ro: Tạo vật liệu cháy, tiềm ẩn nguy cơ cháy rừng (gói giải pháp 4).
		Số vụ xảy ra (0 - < 20)	Áp dụng với các rủi ro: Xung đột về quản lý, sử dụng tài nguyên (gói giải pháp 1, 2, 3, 5).
		Số người bị ảnh hưởng (0 - <500)	Áp dụng với các rủi ro còn lại: Mâu thuẫn (ganh tị) giữa người dân trong và ngoài cộng đồng được dự án hỗ trợ; sự cô lập các nhóm sinh kế đặc thù;... (gói giải pháp 1, 2, 5 và gói giải pháp chung).
2	Trung bình	Diện tích (ha) rừng bị phá gần khu vực phát triển cơ sở hạng tầng lâm sinh (1 - <3,0)	nt
		Diện tích khu rừng tiềm ẩn nguy cơ cháy rừng do tích lũy vật liệu cháy (100 - 200)	nt
		Số vụ xảy ra (20 - 40)	nt
		Số người bị ảnh hưởng (500 - 1000)	nt
3	Cao	Diện tích (ha) rừng bị phá gần khu vực phát triển cơ sở hạng tầng lâm sinh (> 3,0)	nt
		Diện tích khu rừng tiềm ẩn nguy cơ cháy rừng do tích lũy vật liệu cháy (> 200)	nt
		Số vụ xảy ra (> 40)	nt
		Số người bị ảnh hưởng (> 1000)	nt